TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG THÀNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 04-6-2024
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH - TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Ngọc An

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Ngọc Duy
2. Ông Nguyễn Văn Ba

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 967/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày ngày 03 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 82/2024/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Mai Thị Thu T, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Tổ I, ấp P, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh Trần Minh T1, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Tổ A, ấp A, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

(Chị T, anh T1 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 07/12/2023 và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn chị Mai Thị Thu T trình bày*:

Chị và anh Trần Minh T1 chung sống tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được UBND xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 23/12/2015. Vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn

do quan niệm sống không phù hợp, thường xuyên gây gỗ với nhau, trong gia đình không hòa thuận và đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Nay xét thấy mâu thuẫn trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống nên chị yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Long Thành xem xét giải quyết cho chị ly hôn anh T1.

Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Ngọc Tường V, sinh ngày 12/01/2017 và Trần Ngọc Minh D, sinh ngày 26/5/2020. Ly hôn, chị yêu cầu được nuôi hai con, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Do công việc bận nên chị đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

** Quá trình Tòa án tiến hành tố tụng anh Trần Minh T1 không đến Tòa để làm việc và không có ý kiến phản hồi.*

Các tài liệu, chứng cứ trong vụ án: Đơn khởi kiện về việc tranh chấp ly hôn; Căn cước công dân chị Mai Thị Thu T; Giấy chứng nhận kết hôn; Giấy khai sinh Trần Ngọc Minh D, Trần Ngọc Tường V; Thông báo về kết quả giải quyết, hủy bỏ đăng ký cư trú; Chứng nhận số nhà ngày 20/11/2012; Bản thông tin về người được trợ giúp pháp lý; Biên bản ghi nhận ý kiến lựa chọn hòa giải viên; Bản tự khai chị T ngày 05/01/2024, ngày 03/5/2024, đơn đề nghị về việc hoãn phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải ngày 15/4/2024; Bản tự khai của cháu Trần Ngọc T2 V; Đơn đề nghị về việc xác minh thu thập chứng cứ; Đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 03/5/2024; Biên bản ghi nhận sự việc ngày 04/4/2024; Biên bản xác minh tại Công an xã L ngày 14/3/2024; Biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã L ngày 04/4/2024.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành: Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn như cung cấp tài liệu, chứng cứ được thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Trần Minh T1 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh T1 vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, chị Mai Thị Thu T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị T, anh T1.

Về việc giải quyết vụ án: Xét quan hệ hôn nhân giữa chị T, anh T1 là quan hệ hôn nhân hợp pháp, vợ chồng có mâu thuẫn trầm trọng đã sống ly thân không hàn gắn đoàn tụ được nên yêu cầu ly hôn là có căn cứ pháp luật.

Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị T ly hôn anh T1. Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Ngọc Tường V, sinh ngày 12/01/2017 và Trần Ngọc Minh D, sinh ngày 26/5/2020; Chị T yêu cầu nuôi cả hai con chung, cháu V có nguyện vọng ở

với mẹ nên giao cả hai con chung cho chị T nuôi dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

Về án phí: Chị T chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai về việc tham gia phiên tòa đối với bị đơn anh Trần Minh T1 nhưng anh T1 vắng mặt không có lý do, chị Mai Thị Thu T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị T, anh T1.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T, anh T1 tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 131 ngày 23/12/2015 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Chị T trình bày trong quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay không hàn gắn đoàn tụ được. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập các bên đương sự nhiều lần mục đích để ghi nhận ý kiến các bên nhằm hòa giải đoàn tụ nhưng anh T1 không đến, qua đó thể hiện anh T1 không mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Như vậy, mâu thuẫn giữa vợ chồng chị T, anh T1 đã thực sự trầm trọng, vợ chồng sống ly thân không thể hàn gắn đoàn tụ cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, giải quyết cho chị T được ly hôn với anh T1 là phù hợp. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T, xử cho chị T được ly hôn anh T1.

Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Ngọc Tường V, sinh ngày 12/01/2017 và Trần Ngọc Minh D, sinh ngày 26/5/2020; Hiện các con đang sống với chị T, chị T yêu cầu nuôi cả hai con chung và không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con, cháu V có nguyện vọng ở với mẹ nên giao cả hai con chung cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, anh T1 không cấp dưỡng nuôi con, đảm bảo nguyện vọng của con chung và phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về tài sản chung: Chị T khai không có nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Chị T khai không có nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28; Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Án phí, Lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mai Thị Thu T về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" đối với anh Trần Minh T1, xử cho chị Mai Thị Thu T được ly hôn anh Trần Minh T1.

- Về con chung: Xử giao cháu Trần Ngọc Tường V, sinh ngày 12/01/2017 và cháu Trần Ngọc Minh D, sinh ngày 26/5/2020 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh T1 không cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở. Khi cần thiết, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Mai Thị Thu T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0015031 ngày 07/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Chị Mai Thị Thu T, anh Trần Minh T1 được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND huyện Long Thành (1);
- Chi cục THADS H. Long Thành (1);
- UBND xã Long An, huyện Long Thành (GCNKH số 131 ngày 23/12/2015) (1);
- Đương sự (2);
- Lưu (3).

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Ngọc An